

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2005/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của: Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ Pháp chế,

lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các Quyết định số 2069/2000/QĐ-BGTVT và Quyết định số 2070/2000/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải/Giao thông công chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về kiểm tra chất

BỘ TRƯỞNG

Đào Đình Bình

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRONG SẢN XUẤT, LẮP RÁP XE CƠ GIỚI**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 34/2005/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 7
năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại xe cơ giới được sản xuất, lắp ráp từ các linh kiện hoàn toàn mới hoặc từ ô tô sát xi, xe cơ giới hoàn toàn mới chưa có biển số đăng ký.

2. Các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, lắp ráp xe cơ giới và các tổ chức, cơ quan liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm xe cơ giới phải thực hiện Quy định này.

3. Quy định này không áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Mô tô, xe máy;

b) Xe cơ giới được sản xuất, lắp ráp để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xe cơ giới* là loại phương tiện giao thông cơ giới hoạt động trên đường bộ được định nghĩa tại phiên bản mới nhất của tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6211 và TCVN 7271;

2. *Ô tô sát xi* là ô tô ở dạng bán thành phẩm, có thể tự di chuyển, có buồng lái hoặc không có buồng lái, không có thùng chở hàng, không có khoang chở khách, không gắn thiết bị chuyên dùng;

3. *Tổng thành* là động cơ, khung, buồng lái, thân xe hoặc thùng chở hàng hay thiết bị chuyên dùng lắp trên xe;

4. *Hệ thống* là hệ thống truyền lực, hệ thống chuyển động, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái, hệ thống nhiên liệu, hệ thống điện, hệ thống đèn chiếu sáng và tín hiệu;

5. *Linh kiện* là các tổng thành, hệ thống và các chi tiết được sử dụng để lắp ráp xe cơ giới;

6. *Sản phẩm* là linh kiện hoặc xe cơ giới;

7. *Sản phẩm cùng kiểu loại* là các sản phẩm của cùng một chủ sở hữu công

nghiệp, cùng nhãn hiệu, thiết kế và các thông số kỹ thuật, được sản xuất theo cùng một công nghệ;

8. *Chứng nhận kiểu loại sản phẩm* là quá trình kiểm tra, thử nghiệm, xem xét, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp của một kiểu loại sản phẩm với các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

9. *Mẫu điển hình* là sản phẩm do Cơ sở sản xuất lựa chọn theo quy định để thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm;

10. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất linh kiện, lắp ráp xe cơ giới có đủ điều kiện theo các quy định hiện hành.

11. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế xe cơ giới theo các quy định hiện hành.

12. *Cơ quan quản lý chất lượng* (gọi tắt là Cơ quan QLCL) là Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

13. *Cơ sở thử nghiệm* là tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm linh kiện hoặc xe cơ giới được Cơ quan QLCL đánh giá và chấp thuận.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Hồ sơ thiết kế và thẩm định thiết kế

1. Hồ sơ thiết kế

Hồ sơ thiết kế xe cơ giới được Cơ sở thiết kế lập thành 03 bộ gửi tới cơ quan QLCL để thẩm định, bao gồm:

a) Các bản vẽ kỹ thuật:

- Bản vẽ bố trí chung của sản phẩm;
- Bản vẽ lắp đặt tổng thành, hệ thống;
- Bản vẽ và các thông số kỹ thuật của các chi tiết, tổng thành, hệ thống được sản xuất trong nước;

- Bản thông số, tính năng kỹ thuật của các tổng thành, hệ thống nhập khẩu.

Các bản vẽ kỹ thuật phải được trình bày theo các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

b) Bản thuyết minh tính toán bao gồm các nội dung sau:

- Thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của sản phẩm;
- Tính toán các đặc tính động học, động lực học;
- Tính toán kiểm nghiệm bền.

2. Thẩm định thiết kế

a) Thẩm định thiết kế là việc xem xét, kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế sản phẩm với các tiêu chuẩn, quy định hiện hành nhằm đảm bảo cho các sản phẩm được sản xuất, lắp ráp đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Việc thẩm định thiết kế được thực hiện trong phạm vi 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Sau khi thẩm định, hồ sơ thiết kế được chuyển cho: Cơ sở thiết kế, Cơ sở sản xuất và lưu trữ tại Cơ quan QLCL.

3. Miễn lập hồ sơ thiết kế

Đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp theo thiết kế và mang nhãn hiệu hàng hóa của nước ngoài, cơ sở sản xuất được miễn lập hồ sơ thiết kế nếu cung cấp được các tài liệu thay thế sau đây:

- a) Bản vẽ bố trí chung của sản phẩm;
- b) Bản sao giấy chứng nhận được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp cho kiểu loại sản phẩm;
- c) Văn bản của bên chuyển giao công nghệ xác nhận sản phẩm được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam có chất lượng tương đương với sản phẩm nguyên mẫu.

Điều 4. Hồ sơ kiểm tra

Để được chứng nhận cho từng kiểu loại sản phẩm, cơ sở sản xuất lập 01 bộ hồ sơ kiểm tra (gọi tắt là hồ sơ) và gửi tới Cơ quan QLCL.

1. Hồ sơ của linh kiện

Đối với các kiểu loại linh kiện phải kiểm tra quy định tại Phụ lục I của Quy định này, hồ sơ bao gồm:

- a) Bản vẽ kỹ thuật kèm các thông số của sản phẩm;
- b) Ảnh chụp sản phẩm; bản thuyết minh các ký hiệu, số đóng trên sản phẩm (nếu có);
- c) Bản đăng ký thông số kỹ thuật kèm theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng;

d) Bản mô tả quy trình công nghệ sản xuất và quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm.

2. Hồ sơ của xe cơ giới bao gồm:

a) Hồ sơ thiết kế đã được Cơ quan QLCL thẩm định hoặc các tài liệu thay thế quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 3;

b) Ảnh chụp kiểu dáng, bản đăng ký thông số kỹ thuật kèm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng;

c) Bản thống kê các tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước và nhập khẩu dùng để sản xuất, lắp ráp sản phẩm;

d) Bản sao giấy chứng nhận kiểu loại của các linh kiện sản xuất trong nước quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với linh kiện nhập khẩu thuộc danh mục phải kiểm tra quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này thì Cơ sở sản xuất, lắp ráp xe cơ giới phải cung cấp bản sao của một trong các tài liệu sau:

- Văn bản của Tổ chức nước ngoài, trong nước xác nhận linh kiện nhập khẩu đã được kiểm tra theo hiệp định hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau mà Việt Nam tham gia ký kết;

- Văn bản của Nhà sản xuất linh kiện nước ngoài xác nhận kiểu loại linh kiện thỏa mãn tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam;

- Báo cáo kết quả thử nghiệm của cơ sở thử nghiệm (quy định tại khoản 13

Điều 2) trong đó xác nhận linh kiện thỏa mãn tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam.

e) Bản mô tả quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm;

f) Kết quả kiểm tra chất lượng của Cơ sở sản xuất đối với sản phẩm mẫu ở các công đoạn sản xuất, lắp ráp;

g) Bản thuyết minh phương pháp và vị trí đóng số khung, số động cơ;

h) Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo hành sản phẩm.

Điều 5. Thử nghiệm mẫu điển hình

1. Các hạng mục phải kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

2. Cơ sở thử nghiệm tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình theo các tiêu chuẩn hiện hành; lập báo cáo kết quả thử nghiệm và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL có thể trực tiếp giám sát việc thử nghiệm.

Điều 6. Đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng sản phẩm tại cơ sở sản xuất

1. Trách nhiệm của Cơ sở sản xuất

Để đảm bảo việc duy trì chất lượng các sản phẩm sản xuất hàng loạt, Cơ sở sản xuất có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng cho từng kiểu loại sản phẩm;

b) Trang bị các thiết bị kiểm tra cần thiết cho từng công đoạn sản xuất. Danh

mục các thiết bị tối thiểu cần thiết để thực hiện việc kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe cơ giới được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này; hàng năm, các thiết bị kiểm tra chất lượng xuất xưởng này phải được Cơ quan QLCL kiểm tra và xác nhận tình trạng hoạt động;

c) Có kỹ thuật viên thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được Nhà sản xuất nước ngoài (bên chuyển giao công nghệ) hoặc Cơ quan QLCL cấp chứng chỉ nghiệp vụ kiểm tra chất lượng phù hợp với loại sản phẩm sản xuất, lắp ráp.

2. Cơ quan QLCL có trách nhiệm thực hiện việc đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng sản phẩm tại Cơ sở sản xuất theo các phương thức sau:

a) Đánh giá lần đầu được thực hiện khi cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 7;

b) Đánh giá hàng năm được thực hiện khi xác nhận lại hiệu lực giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 9;

c) Đánh giá đột xuất được thực hiện khi Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng hoặc khi có các khiếu nại về chất lượng sản phẩm.

Các nội dung đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng sản phẩm tại Cơ sở sản xuất do Cơ quan QLCL hướng dẫn cụ thể.

3. Đối với các kiểu loại sản phẩm tương tự, không có sự thay đổi về quy trình

kiểm tra thì Cơ quan QLCL chỉ thực hiện đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng cho kiểu loại sản phẩm đầu tiên.

Điều 7. Cấp giấy chứng nhận

1. Cơ quan QLCL căn cứ vào hồ sơ theo quy định tại Điều 4, báo cáo kết quả thử nghiệm mẫu điển hình theo quy định tại Điều 5 và báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng sản phẩm tại Cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 6 để cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại sản phẩm (gọi tắt là giấy chứng nhận) theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

Nếu không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất sẽ được thông báo để có biện pháp khắc phục trong thời hạn không quá 6 tháng. Sau thời hạn nói trên, Cơ sở sản xuất phải thực hiện lại thủ tục đăng ký từ đầu.

2. Việc cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Kiểm tra trong quá trình sản xuất, lắp ráp hàng loạt

1. Sau khi sản phẩm được cấp giấy chứng nhận, Cơ sở sản xuất tiến hành sản xuất hàng loạt, kiểm tra chất lượng trong suốt quá trình sản xuất, lắp ráp cho từng sản phẩm và phải đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn kỹ thuật như hồ sơ và mẫu điển hình đã được chứng nhận.

2. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng.

3. Từng sản phẩm sản xuất hàng loạt phải được Cơ sở sản xuất kiểm tra chất lượng xuất xưởng (gọi tắt là kiểm tra xuất xưởng) theo một trong hai hình thức kiểm tra xuất xưởng có sự giám sát của Cơ quan QLCL hoặc tự kiểm tra xuất xưởng:

a) Kiểm tra xuất xưởng có sự giám sát của Cơ quan QLCL

Cơ quan QLCL thực hiện giám sát việc kiểm tra xuất xưởng (gọi tắt là giám sát) tại các Cơ sở sản xuất, lắp ráp xe cơ giới chở người hoặc xe cơ giới được lắp ráp từ các linh kiện rời trong các trường hợp sau:

- Cơ sở sản xuất lần đầu tiên sản xuất, lắp ráp xe cơ giới;

- Cơ sở sản xuất có chất lượng sản phẩm không ổn định. Chất lượng sản phẩm được coi là không ổn định nếu tỷ lệ giữa số sản phẩm không đạt yêu cầu, phải giám sát lại và tổng số sản phẩm được giám sát như sau:

+ Lớn hơn 5% tính cho cả đợt giám sát hoặc

+ Lớn hơn 10% tính cho một tháng bất kỳ của đợt giám sát.

- Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên quan đến kiểm tra chất lượng nhưng chưa đến mức phải thu hồi giấy chứng nhận.

Các nội dung giám sát được quy định

tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này. Thời gian của một đợt giám sát là 06 tháng hoặc 500 sản phẩm tùy theo yếu tố nào đến trước.

Sau đợt giám sát nói trên, nếu chất lượng sản phẩm ổn định và Cơ sở sản xuất thực hiện đúng quy định liên quan đến kiểm tra chất lượng thì sẽ được áp dụng hình thức tự kiểm tra xuất xưởng theo quy định tại điểm b Khoản này.

Nếu sau 04 đợt giám sát liên tiếp mà chất lượng sản phẩm vẫn không ổn định thì Cơ quan QLCL sẽ dừng việc cấp phiếu xuất xưởng và báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.

b) Tự kiểm tra xuất xưởng

Các Cơ sở sản xuất không thuộc diện phải giám sát quy định tại điểm a Khoản này được tự thực hiện việc kiểm tra xuất xưởng theo các quy định hiện hành.

Cơ quan QLCL có thể kiểm tra đột xuất. Nếu kết quả kiểm tra đột xuất cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị thu hồi giấy chứng nhận hoặc phải áp dụng hình thức giám sát như quy định tại điểm a Khoản này.

4. Hồ sơ xuất xưởng đối với xe cơ giới

a) Căn cứ vào giấy chứng nhận được cấp và báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của lô xe đã thực hiện, Cơ sở sản xuất sẽ được nhận phôi phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (theo mẫu quy định tại

Phụ lục V ban hành kèm theo Quy định này) tương ứng với số lượng của lô xe đó.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra của từng sản phẩm, Cơ sở sản xuất cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (gọi tắt là phiếu xuất xưởng) cho xe cơ giới. Phiếu xuất xưởng phải do người có thẩm quyền (cấp trưởng, cấp phó hoặc cấp dưới trực tiếp được ủy quyền bằng văn bản của thủ trưởng Cơ sở sản xuất) ký tên, đóng dấu.

Phiếu xuất xưởng cấp cho xe cơ giới nêu trên dùng để làm thủ tục đăng ký xe cơ giới.

b) Cơ sở sản xuất có trách nhiệm lập và cấp cho từng xe cơ giới xuất xưởng các hồ sơ sau đây:

- Phiếu xuất xưởng theo quy định tại điểm a Khoản này;
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng trong đó có các thông số kỹ thuật chính và hướng dẫn sử dụng các thiết bị an toàn của xe;
- Phiếu bảo hành sản phẩm trong đó ghi rõ điều kiện và địa chỉ các cơ sở bảo hành.

Điều 9. Xác nhận lại hiệu lực và thu hồi giấy chứng nhận

1. Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của Cơ sở sản xuất, Cơ quan QLCL căn cứ vào báo cáo sản lượng các sản phẩm cùng kiểu loại đã sản xuất và kết quả đánh giá lại điều kiện kiểm tra chất lượng của Cơ sở sản xuất để tiến hành việc xác nhận lại hiệu lực giấy chứng nhận.

2. Khi các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan và sản phẩm có sự thay đổi ảnh hưởng đến sự phù hợp của kiểu loại sản phẩm đó với quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành thì Cơ sở sản xuất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục chứng nhận lại.

3. Cơ quan QLCL thực hiện việc xác nhận lại hiệu lực giấy chứng nhận trong phạm vi 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Giấy chứng nhận sẽ đương nhiên hết hiệu lực và bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm nghiêm trọng các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và sử dụng phiếu xuất xưởng;

b) Cơ sở sản xuất không thực hiện việc thu hồi sản phẩm theo đúng quy định hiện hành đối với các sản phẩm bị khuyết tật trong quá trình thiết kế, chế tạo có khả năng gây mất an toàn cho người sử dụng và ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Cơ quan QLCL có trách nhiệm sau đây:

1. Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được giao để hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quy định này;

2. Thống nhất phát hành, quản lý và

hướng dẫn sử dụng đối với các giấy chứng nhận và phiếu xuất xưởng;

3. Tổ chức đánh giá và công bố danh sách các Cơ sở thử nghiệm được chấp thuận thực hiện việc thử nghiệm linh kiện, xe cơ giới phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra theo định kỳ hoặc đột xuất đối với việc thực hiện kiểm tra chất lượng của Cơ sở sản xuất;

5. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm các linh kiện nhập khẩu thuộc danh mục phải kiểm tra quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này khi có nghi vấn về chất lượng;

6. Tổng hợp kết quả thực hiện công tác kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới để báo cáo Bộ Giao thông vận tải vào tháng 01 và tháng 7 hàng năm.

Điều 11. Hồ sơ kiểm tra phải được lưu trữ tại Cơ quan QLCL và Cơ sở sản xuất ít nhất 03 năm kể từ thời điểm Cơ sở sản xuất ngừng sản xuất, lắp ráp kiểu loại sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận.

Điều 12. Cơ quan QLCL và Cơ sở thử nghiệm được thu các khoản thu theo các quy định hiện hành.

Điều 13. Các giấy chứng nhận, phiếu xuất xưởng còn hiệu lực đã được cấp trước ngày quy định này có hiệu lực vẫn có giá trị đến hết thời hạn sử dụng./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Đình Bình

Phụ lục I

HẠNG MỤC VÀ ĐỐI TƯỢNG PHẢI KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM

(kèm theo Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật
và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới)

Số thứ tự	Hạng mục kiểm tra	Đối tượng kiểm tra			
		Ô tô	Rơ moóc và Sơ mi rơ moóc	Ô tô sát xi	Linh kiện ⁽¹⁾
1	Số nhận dạng (VIN)	X	X	X ⁽²⁾	-
2	Yêu cầu an toàn chung	X	X	X	-
3	Khối lượng và kích thước	X	X	X	-
4	Hệ thống phanh	X	X	-	-
5	Đèn chiếu sáng phía trước	X	-	-	X
6	Đèn tín hiệu	X	X	-	-
7	Đồng hồ đo tốc độ	X	-	-	-
8	Còi	X	-	-	-
9	Khí thải	X	-	X	-
10	Độ ồn	X	-	-	-
11	Kính chắn gió và kính cửa	X	-	-	X
12	Gương chiếu hậu	X	-	-	X
13	Lốp xe	X	X	X	X ⁽³⁾
14	Chạy thử	X	X	-	-
15	Thử kín nước	X ⁽⁴⁾	-	-	-

Ghi chú:

X: Áp dụng

-: Không áp dụng

(1): Chỉ áp dụng khi đã công bố các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng

(2): Áp dụng cho xe đã có số VIN

(3): Áp dụng cho lốp ô tô con

(4): Áp dụng cho ô tô chở người

Phụ lục II

**DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CẦN THIẾT
ĐỂ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT XƯỞNG XE CƠ GIỚI***(kèm theo Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật
và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới)*

Thứ tự	Tên thiết bị	Cơ sở sản xuất	
		Ô tô	Rơ moóc và Sơ mi rơ moóc
1	Thiết bị kiểm tra độ trượt ngang	X	-
2	Thiết bị kiểm tra góc đặt bánh xe	X ⁽¹⁾	-
3	Thiết bị kiểm tra góc quay lái của bánh xe dẫn hướng	X	-
4	Thiết bị kiểm tra lực phanh	X	X
5	Thiết bị kiểm tra hoạt động của hệ thống phân phối khí của hệ thống phanh	-	X
6	Thiết bị kiểm tra sai số đồng hồ tốc độ	X	-
7	Thiết bị kiểm tra đèn pha (Kiểm tra được cường độ sáng và độ lệch chùm sáng)	X	-
8	Thiết bị kiểm tra khí thải	X	-
10	Thiết bị kiểm tra âm lượng còi và độ ồn	X	-
11	Thiết bị phun mưa kiểm tra độ kín nước từ bên ngoài	X ⁽²⁾	-
12	Cầu nâng hoặc hầm kiểm tra gầm xe	X	-

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Áp dụng bắt buộc đối với các Cơ sở sản xuất các loại xe có hệ thống treo độc lập
- ⁽²⁾ Áp dụng bắt buộc đối với các Cơ sở sản xuất các loại xe chở người

Phụ lục III
MẪU IIIA - MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO SẢN PHẨM ÔTÔ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số (N^o).....

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ÔTÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo quyết định số /2005/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: <i>Pursuant to the Technical document N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>
Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số: <i>Pursuant to the results of C.O.P examination report N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>
Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số: <i>Pursuant to the results of Testing report N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (<i>Motor vehicle type</i>):	Số loại (<i>Model code</i>):	
Nhãn hiệu (<i>Mark</i>):	kG	
Trọng lượng bản thân (<i>Kerb weight</i>):	kG - Cầu trước (<i>on front</i>):	kG
Phân bố lên: - Cầu trước (<i>on front</i>):	kG - Cầu sau (<i>on rear</i>):	kG
Số người cho phép chở kể cả người lái (<i>Seating capacity including driver</i>):		người
Tải trọng cho phép (<i>Pay load</i>):	kG	
Trọng lượng toàn bộ (<i>Gross vehicle weight</i>):	kG	
Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (<i>Overall: length x width x height</i>):		mm
Chiều dài cơ sở (<i>Wheel base</i>):	mm	
Công thức bánh xe (<i>Drive configuration</i>):		
Kiểu động cơ (<i>Engine model</i>):	Loại (<i>Type</i>):	
Thể tích làm việc (<i>Displacement</i>):	cm ³	
Công suất lớn nhất/ tốc độ quay (<i>Max. output /rpm</i>):		
Loại nhiên liệu (<i>Type of fuel</i>):		
Cỡ lốp (<i>Tyre size</i>):	lốp trước (<i>front tyre</i>):	lốp sau (<i>rear tyre</i>):
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất (<i>Name and address of manufacturer</i>):		
Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp (<i>Name and address of assembly plant</i>):		

Kiểu loại xe nói trên thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô.

The motor vehicle type is in compliance with the current standards of the quality, safety and environmental protection for automobiles.

Giấy chứng nhận này có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký và hàng năm sẽ được xem xét, xác nhận lại.

This certificate is valid for 12 months from signed date and be reconfirmed annually.

Ngày tháng năm (Date)
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
Vietnam Register
General Director

Phụ lục III

MẪU IIIB - MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO SẢN PHẨM RƠ MOỐC VÀ SƠ MI RƠ MOỐC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số (N^o).....

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
RƠ MOỐC VÀ SƠ MI RƠ MOỐC SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR TRAILERS AND SEMI-TRAILERS

Cấp theo quyết định số /2005/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: <i>Pursuant to the Technical document N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>
Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số: <i>Pursuant to the results of C.O.P examination report N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>
Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số: <i>Pursuant to the results of Testing report N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (*Motor vehicle type*):

Nhãn hiệu (*Mark*):

Số loại (*Model code*):

Trọng lượng bản thân (*Kerb weight*):

kG

Phân bố lên: - Chốt kéo (*on kingpin*):

kG - Cầu sau (*on rear*): kG

Tải trọng cho phép (*Pay load*):

kG

Trọng lượng toàn bộ (*Gross vehicle weight*):

kG

Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (*Overall: length x width x height*):

mm

Khoảng cách từ tâm chốt kéo đến trục sau cùng (*Wheel base*):

mm

Số trục xe (*number of axles*):

Cỡ lốp (*Tyre size*):

lốp trước (*front tyre*):

lốp sau (*rear tyre*):

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất (*Name and address of manufacturer*):

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp (*Name and address of assembly plant*):

Kiểu loại xe nói trên thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với rơ moóc và sơ mi rơ moóc.

The motor vehicle type is in compliance with the current standards of the quality, safety and environmental protection for trailers and semi-trailers.

Giấy chứng nhận này có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký và hàng năm sẽ được xem xét, xác nhận lại.

This certificate is valid for 12 months from signed date and be reconfirmed annually.

Ngày tháng năm (Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

Vietnam Register

General Director

Phụ lục III

MẪU IIIC - MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO SẢN PHẨM LÀ LINH KIỆN ÔTÔ

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số (N^o).....

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LINH KIỆN ÔTÔ**

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR SYSTEMS / COMPONENTS OF AUTOMOBILE
Cấp theo quyết định số /2005/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: <i>Pursuant to the Technical document N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>
Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số: <i>Pursuant to the results of C.O.P examination report N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>
Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số: <i>Pursuant to the results of Testing report N^o</i>	Ngày / / <i>Date</i>

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
General Director of Vietnam Register hereby approves that

Kiểu loại sản phẩm (*System / Component type*):
Nhãn hiệu (*Mark*):
Xuất xứ (*Country of origin*):

Số loại (*Model code*):

(Các nội dung liên quan tới thông số kỹ thuật và chất lượng cho từng đối tượng sản phẩm sẽ do Cơ quan QLCL quy định cụ thể)

Kiểu loại sản phẩm nói trên thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật.
The product is in compliance with the current standards of the quality, safety.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến hết ngày tháng năm
This certificate is valid until

Ngày tháng năm (*Date*)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
Vietnam Register
General Director

Phụ lục IV

CÁC NỘI DUNG GIÁM SÁT KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT XƯỞNG

(kèm theo Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới)

Số thứ tự	Các hạng mục giám sát	Ô tô chở người	Ô tô chở hàng	Rơ moóc Sơ mi rơ moóc	Yêu cầu
1	Các thông số cơ bản (kích thước bao, trọng lượng bản thân) ⁽¹⁾	X	X	X	Phù hợp với thiết kế đã được thẩm định và tiêu chuẩn hiện hành
2	Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu (chủng loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	
3	Chỗ làm việc và tầm nhìn của người lái (tầm quan sát phía trước, kính chắn gió, gương chiếu hậu)	X	X	-	
4	Khoang hành khách (các kích thước và bố trí ghế, cửa lên xuống, lối thoát khẩn cấp, các trang thiết bị an toàn trong xe)	X	-	-	
5	Thùng hàng (các kích thước, lắp đặt, hoạt động cơ cấu tự đổ)	-	X	X	
6	Động cơ (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	-	
7	Hệ thống phanh (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	
8	Hệ thống truyền lực (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	-	
9	Hệ thống lái (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	-	
10	Bánh xe (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	
11	Hệ thống treo (kiểu loại, lắp đặt, tình trạng hoạt động)	X	X	X	
12	Kiểm tra các chỉ tiêu tổng hợp liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng, lực phanh trên các trục, lực phanh đỗ xe, sai số đồng hồ tốc độ, cường độ sáng đèn chiếu xa, khí thải, âm lượng còi, độ ồn)	X	X	X	Phù hợp với các chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký và tiêu chuẩn hiện hành
13	Kiểm tra chạy thử trên đường (chất lượng lắp ráp, tình trạng hoạt động của các hệ thống, các tiếng kêu lạ) ⁽²⁾	X	X	X	Phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành
14	Kiểm tra độ kín nước từ bên ngoài xe	X	-	-	hành

Ghi chú: Các mục đánh dấu "X" là phải kiểm tra, đánh dấu "-" là không kiểm tra;

⁽¹⁾ - Giám sát kiểm tra với xác suất 5%;

⁽²⁾ - Giám sát chạy thử với quãng đường tối thiểu là 3 km.

Phụ lục V

MẪU PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT XƯỞNG

(kèm theo Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật
và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới)

PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT XƯỞNG	
DÙNG CHO XE CƠ GIỚI	
Số:	
Cơ sở sản xuất:	Số loại:
Nhãn hiệu:	Loại hình lắp ráp:
Số khung:	
Số động cơ:	
Số phát hành của Cơ quan QLCL	Ngày tháng năm Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
* * *	
PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XUẤT XƯỞNG	
DÙNG CHO XE CƠ GIỚI	
Số:	
Căn cứ Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại số:	ngày
Căn cứ vào kết quả tự kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật trong quá trình sản xuất, lắp ráp	của Cục ĐKVN
Cơ sở sản xuất:	đảm bảo rằng:
Sản phẩm:	Số loại:
Nhãn hiệu:	Màu sơn:
Loại hình lắp ráp:	, đóng tại:
Số khung:	, đóng tại:
Số động cơ:	Thể tích làm việc của động cơ: cm ³
Trọng lượng bản thân: kG	Số người cho phép chở: (kể cả người lái)
Tải trọng: kG	
Trọng lượng toàn bộ: kG	
Do cơ sở chúng tôi sản xuất hoàn toàn phù hợp với sản phẩm mẫu đã được chứng nhận chất lượng và thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.	
Số phát hành của Cơ quan QLCL	Ngày tháng năm Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
Phiếu này do Cơ quan QLCL thống nhất phát hành	

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên phiếu do Cơ quan QLCL quy định cụ thể.

09688382

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com